1.

- Chuyển mạch gói:

+ Nhanh, không tốn thời gian set up (Thiết lập kết nối)

+Băng thông không đảm bảo cho người dùng, ít người băng thông cao và ngược lại

+Độ trễ gói tin

+Có cơ chế gửi lại

- Chuyển mạch kênh:

+ Tốn thời gian set up kết nối trên từng node trung gian

+Băng thông đảm bảo cho người dùng ( đc yêu cầu trong quá trình set up) (mỗi người 1 kênh)

+Độ trễ hầu như rất thấp

+Không có cơ chế gửi lại

2.

FDM:

Mỗi user đc sử dụng 1 băng thông (frequency) trong suốt thời gian

TDM:

Mỗi user đc sử dụng full băng thông trong 1 khoảng thời gian

3.

+TCP:

-Quá trình kết nối trước khi gửi dữ liệu: Bắt tay 3 bước

-Trong quá trình gửi : Có cơ chế gửi lại khi mất

-Các gói tin đc đánh dấu để quản lý (segment number)

- Điều kiện luồng: Bên gửi không gửi quá khả năng bên nhận

-Ngắt kết nối sau khi hoàn thành

+UDP:

-Quá trình kết nối trước khi gửi dữ liệu: Không có

-Trong quá trình gửi: Không có cơ chế gửi lại

Không có cơ chế đánh dấu

-Điều kiện luồng: Không có

-Không ngắt kết nối

4.

TCP/IP

Tấng application: Giao tiếp với người dùng để tiếp nhận và convert sang định dạng của máy tính thông qua endcoding

Tâng Transport: Quản lý kênh truyền logic của 2 tiến trình nằm trên 2 máy

Tầng nextwork: Định tuyến gói tin từ máy nguồn đến máy đích làm sao tốt nhất có thể

Tấng cuối: Chuyển đổi dữ liệu sang các tín hiệu (bit) và truyền trên các đường truyền (card mạng) kết hợp với các cơ chế tách lỗi (error detection)

5.(Xem lại slide)

C-S:

IP cố định

Luôn luôn hoạt động

Trung tâm phục vụ và lưu trữ

Có 1 máy chủ

P2P:

6.

Dịch từ name sang ip

Không cần nhớ ip, chỉ cần nhớ tên

VD: Phân giả DNS

Truy vấn được lập hoặc Truy vấn đệ quy , vẽ hình, giải thích

7.

HTTP persistant & HTTP non-persistent ( slide)

8. 9.

Rdt là phương thức gửi trên 1 kênh truyền

Rdt 1.0 là…….

Rdt 2.0 …Vẽ hình ( hoạt động khi không lỗi, khi có lỗi)

10.

Giới thiệu Go back N

Vẽ hình Hoạt động GBN